|  |  |
| --- | --- |
| **CHÍNH PHỦ--------** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAMĐộc lập - Tự do - Hạnh phúc----------------** |
| Số: /2023/NĐ-CP | *Hà Nội, ngày tháng năm 2023* |

**NGHỊ ĐỊNH**

**Quy định chi tiết thi hành một số điều**

**của Luật Phòng, chống rửa tiền (sửa đổi)**

*Căn cứ Luật tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật tổ chức Chính phủ và Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Phòng, chống rửa tiền ngày tháng năm ;*

*Theo đề nghị của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;*

*Chính phủ ban hành Nghị định quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phòng, chống rửa tiền**.*

**Chương I**

**NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG**

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Nghị định này quy định chi tiết một số điều, khoản của Luật Phòng, chống rửa tiền, bao gồm các nội dung về Tiêu chí đánh giá rủi ro quốc gia về rửa tiền; Nhận biết khách hàng; Chủ sở hữu hưởng lợi; Mục đích và bản chất mối quan hệ kinh doanh của khách hàng với đối tượng báo cáo; Giao dịch với giá trị lớn bất thường hoặc phức tạp; Trách nhiệm báo cáo, cung cấp hồ sơ, thông tin; Thu thập, xử lý, phân tích thông tin về phòng, chống rửa tiền; Chuyển giao, trao đổi thông tin phòng, chống rửa tiền với cơ quan có thẩm quyền trong nước; Trì hoãn giao dịch.

**Điều 2. Đối tượng áp dụng**

Nghị định này áp dụng đối với các đối tượng theo quy định tại Điều 2 Luật Phòng, chống rửa tiền.

**Điều 3. Tiêu chí đánh giá rủi ro quốc gia về rửa tiền**

**Phương án 1**

Việc thực hiện đánh giá rủi ro quốc gia về rửa tiền theo quy định tại Điều 7 Luật Phòng, chống rửa tiền dựa vào các tiêu chí sau:

1. Đánh giá nguy cơ rửa tiền của quốc gia:

Đánh giá nguy cơ rửa tiền trong nước và nước ngoài theo các tiêu chí định lượng và định tính sau:

a) Các tiêu chí định lượng bao gồm: các thông tin, số liệu, dữ liệu về công tác phòng, chống tội phạm nguồn và tội phạm rửa tiền được thu thập từ cơ sở dữ liệu của hệ thống tư pháp, cơ quan thống kê quốc gia, Viện kiểm sát, Tòa án nhân dân, cơ quan thực thi pháp luật, cơ quan tình báo tài chính, cơ quan chống tham nhũng, cơ quan quản lý tài sản bị tịch thu và sung công, cơ quan thuế, cơ quan hải quan và các báo cáo nghiên cứu, chuyên đề học thuật.

b) Các tiêu chí định tính bao gồm: thông tin tình báo tài chính, báo cáo của các cơ quan Chính phủ, các ấn phẩm và tài liệu nghiên cứu học thuật, ấn phẩm, báo cáo của các tổ chức quốc tế, ấn phẩm của các tổ chức phi lợi nhuận, khảo sát, phỏng vấn và các nguồn thông tin mở đáng tin cậy khác liên quan đến công tác phòng, chống tội phạm nguồn và tội phạm rửa tiền.

2. Đánh giá mức độ phù hợp của các chính sách, biện pháp phòng, chống rửa tiền đã được thực hiện thông qua việc đánh giá tính toàn diện của khuôn khổ pháp lý và mức độ đầy đủ của các quyền hạn, thủ tục của các cơ quan có thẩm quyền, tổ chức trong việc triển khai công tác phòng, chống rửa tiền.

**Phương án 2**

Việc thực hiện đánh giá rủi ro quốc gia về rửa tiền theo quy định tại Điều 7 Luật Phòng, chống rửa tiền dựa vào các tiêu chí sau:

1. Đánh giá nguy cơ rửa tiền trong nước theo các tiêu chí định lượng sau:

a) Tiêu chí về tội phạm nguồn bao gồm:

- Số liệu thống kê và thông tin liên quan đến các loại tội phạm nguồn phổ biến nhất của tội rửa tiền gồm: số lượng các vụ việc được phát hiện, khởi tố, điều tra và xét xử; số tiền bị kê biên, phong tỏa, tịch thu; số lượng ước tính vụ việc tội phạm nguồn và số tiền, tài sản có được nhưng chưa bị phát hiện hoặc thống kê.

- Số liệu thống kê về vụ rửa tiền đã bị phát hiện theo loại tội phạm nguồn liên quan gồm: số lượng các vụ rửa tiền được phát hiện, điều tra, khởi tố và kết tội cũng như số tiền đã bị kê biên, phong tỏa và/hoặc tịch thu; số lượng ước tính vụ việc rửa tiền và số tiền, tài sản có được nhưng chưa bị phát hiện hoặc thống kê.

b) Tiêu chí về lĩnh vực: thông tin và dữ liệu liên quan đến các vụ việc rửa tiền theo từng ngành, lĩnh vực cụ thể gồm: tội phạm nguồn, tổng số tiền phát hiện tổng số tiền bị tịch thu, số người có quốc tịch liên quan, số người không có quốc tịch liên quan, quốc gia xuất xứ, quốc gia đích đến, các lĩnh vực liên quan, phương thức và kỹ thuật rửa tiền, đầu mối khởi nguồn điều tra vụ việc, kết quả điều tra.

c) Nguy cơ xuyên biên giới bao gồm: các số liệu liên quan đến các vụ việc rửa tiền mà tội phạm nguồn được thực hiện ở nước ngoài nhưng hành vi rửa tiền được thực hiện ở trong nước; các vụ việc rửa tiền mà tội phạm nguồn được thực hiện ở trong nước và hành vi rửa tiền được thực hiện ở nước ngoài và các vụ việc rửa tiền mà tội phạm nguồn diễn ra ở cả trong nước và nước ngoài, tuy nhiên không thể xác định tiền, tài sản do phạm tội mà có được tạo ra ở trong nước hay nước ngoài.

Các tiêu chí về nguy cơ xuyên biên giới gồm số vụ khởi tố, điều tra về rửa tiền, số báo cáo giao dịch đáng ngờ, số lượng hồ sơ vụ việc đơn vị đầu mối phòng, chống rửa tiền gửi cho cơ quan điều tra; tổng số tài sản bị kê biên, phong tỏa và tịch thu.

- Số lượng các yêu cầu tương trợ tư pháp, tổng số tiền liên quan đến yêu cầu gửi đi và nhận được; số lượng các vụ việc có trao đổi dữ liệu với cơ quan tình báo tài chính nước ngoài; số lượng yêu cầu trao đổi thông tin thuế gửi đi và nhận được.

- Tổng số tiền mặt khai báo khi đi qua biên giới; tổng số vụ buôn lậu tiền qua biên giới hoặc hải quan; tổng số tiền bị kê biên, tịch thu trong các vụ buôn lậu tiền mặt qua biên giới hoặc hải quan.

d) Tiêu chí về lưu chuyển tài chính ra và vào Việt Nam gồm: giá trị các dòng tiền lưu chuyển trong 05 (năm) năm qua; dòng tiền vào liên quan đến thương mại hàng hóa, thương mại dịch vụ, dòng vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài, dòng kiều hối.

2. Đánh giá nguy cơ rửa tiền bên ngoài theo các tiêu chí định lượng sau: Số lượng các vụ việc tội phạm nguồn xảy ra ở nước ngoài; lượng tiền, tài sản bất hợp pháp được tạo ra do các tội phạm nguồn từ nước ngoài; các yếu tố đặc trưng về địa lý, kinh tế, xã hội liên quan đến nguy cơ rửa tiền đến từ bên ngoài.

3. Đánh giá nguy cơ rửa tiền trong nước và bên ngoài theo các tiêu chí định tính gồm: thông tin tình báo tài chính, báo cáo của các cơ quan Chính phủ, các ấn phẩm và tài liệu nghiên cứu học thuật, ấn phẩm của các tổ chức quốc tế, ấn phẩm của các tổ chức phi lợi nhuận, khảo sát, phỏng vấn và các nguồn thông tin mở đáng tin cậy khác liên quan đến công tác phòng, chống tội phạm rửa tiền.

4. Đánh giá mức độ phù hợp của các chính sách, biện pháp phòng, chống rửa tiền đã được thực hiện thông qua việc đánh giá tính toàn diện của khuôn khổ pháp lý và mức độ đầy đủ của các quyền hạn, thủ tục của các cơ quan có thẩm quyền, tổ chức trong việc triển khai công tác phòng, chống rửa tiền.

**Chương II**

**CÁC BIỆN PHÁP PHÒNG, CHỐNG RỬA TIỀN**

**Mục I**

**NHẬN BIẾT, BÁO CÁO VÀ LƯU GIỮ THÔNG TIN KHÁCH HÀNG**

**Điều 4. Nhận biết khách hàng**

1. Tổ chức tài chính phải nhận biết khách hàng trong các trường hợp sau:

a) Khi khách hàng lần đầu mở tài khoản, bao gồm tài khoản thanh toán, tài khoản tiết kiệm, tài khoản thẻ và các loại tài khoản khác;

b) Khi khách hàng lần đầu thiết lập mối quan hệ với tổ chức tài chính nhằm sử dụng sản phẩm, dịch vụ do tổ chức tài chính cung cấp;

c) Khi khách hàng thực hiện giao dịch không thường xuyên có giá trị bằng hoặc vượt mức quy định. Giao dịch không thường xuyên có giá trị bằng hoặc vượt mức quy định là giao dịch của khách hàng không có tài khoản hoặc có tài khoản thanh toán, ví điện tử nhưng không giao dịch trong vòng 6 tháng trở lên với tổng giá trị từ 300.000.000 (ba trăm triệu) đồng trở lên trong một ngày;

d) Khi thực hiện chuyển tiền điện tử nhưng thiếu một trong số thông tin về tên, địa chỉ của người khởi tạo, số tài khoản của người khởi tạo hoặc mã giao dịch trong trường hợp người khởi tạo không có tài khoản;

đ) Khi nghi ngờ giao dịch hoặc các bên liên quan đến giao dịch có liên quan đến hoạt động rửa tiền;

e) Khi nghi ngờ về tính chính xác hoặc tính đầy đủ của các thông tin nhận biết khách hàng đã thu thập trước đó.

2. Tổ chức, cá nhân kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng, trò chơi trên mạng viễn thông, mạng intenet, casino, xổ số và đặt cược phải nhận biết khách hàng khi khách hàng thực hiện giao dịch tài chính với tổng giá trị từ 60.000.000 (sáu mươi triệu) đồng trở lên trong một ngày.

3. Tổ chức, cá nhân kinh doanh bất động sản, trừ việc cho thuê, cho thuê lại bất động sản, dịch vụ tư vấn bất động sản phải nhận biết khách hàng đối với bên mua, bên bán trong hoạt động môi giới mua, bán bất động sản; đối với chủ sở hữu tài sản trong việc cung cấp dịch vụ quản lý bất động sản.

4. Tổ chức, cá nhân kinh doanh kim loại quý và đá quý phải nhận biết khách hàng khi khách hàng thực hiện giao dịch bằng tiền mặt mua hoặc bán kim loại quý, đá quý có giá trị từ 300.000.000 (ba trăm triệu) đồng trở lên trong một ngày.

5. Tổ chức, cá nhân cung cấp dịch vụ công chứng, kế toán; dịch vụ pháp lý của luật sư, tổ chức hành nghề luật sư phải nhận biết khách hàng khi thay mặt khách hàng chuẩn bị các điều kiện để thực hiện giao dịch hoặc thay mặt khách hàng thực hiện giao dịch liên quan đến hoạt động chuyển giao quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà; quản lý tiền mặt, chứng khoán hoặc các tài sản khác của khách hàng; quản lý tài khoản của khách hàng tại ngân hàng, công ty chứng khoán; góp vốn để thành lập, điều hành hoặc quản lý doanh nghiệp của khách hàng; mua, bán các tổ chức kinh doanh.

6. Tổ chức, cá nhân cung cấp dịch vụ thỏa thuận pháp lý phải nhận biết khách hàng đối với bên ủy thác, người thụ hưởng của thỏa thuận pháp lý khi nhận tiền hoặc tài sản từ bên ủy thác để thực hiện giao dịch theo thỏa thuận pháp lý.

7. Tổ chức, cá nhân cung cấp dịch vụ thành lập, quản lý, điều hành doanh nghiệp phải nhận biết khách hàng khi khách hàng sử dụng hoặc yêu cầu các dịch vụ đó.

8. Tổ chức, cá nhân cung cấp dịch vụ giám đốc, thư ký công ty cho bên thứ ba phải nhận biết khách hàng đối với bên thứ ba và người giám đốc hoặc thư ký đó.

**Điều 5. Chủ sở hữu hưởng lợi**

1. Đối tượng báo cáo phải nhận biết khách hàng để xác định chủ sở hữu hưởng lợi cuối cùng của khách hàng; căn cứ theo các tiêu chí sau:

a) Cá nhân sở hữu thực tế đối với một tài khoản hoặc một giao dịch: Chủ tài khoản, đồng chủ tài khoản hoặc bất kỳ người nào chi phối hoạt động của tài khoản hoặc thụ hưởng từ giao dịch đó;

b) Cá nhân có quyền chi phối pháp nhân: Cá nhân nắm giữ trực tiếp hoặc gián tiếp từ 25% trở lên vốn điều lệ của pháp nhân đó; chủ doanh nghiệp tư nhân; cá nhân khác thực tế chi phối, kiểm soát pháp nhân đó;

c) Cá nhân có quyền chi phối một thỏa thuận pháp lý, thỏa thuận ủy quyền: Cá nhân ủy thác, ủy quyền; cá nhân có quyền chi phối cá nhân, pháp nhân hoặc tổ chức ủy thác, ủy quyền;

d) Cá nhân thụ hưởng trong hợp đồng bảo hiểm nhân thọ hoặc hợp đồng bảo hiểm liên quan đến đầu tư tại thời điểm đáo hạn hoặc kết thúc hợp đồng bảo hiểm.

2. Nhận dạng và xác minh thông tin nhận dạng chủ sở hữu hưởng lợi được thực hiện theo quy định tại Điều 10, 11, 12 của Luật Phòng, chống rửa tiền, trừ trường hợp chủ sở hữu hưởng lợi là cá nhân đại diện vốn nhà nước trong các tổ chức.

**Điều 6. Mục đích và bản chất của mối quan hệ kinh doanh của khách hàng với đối tượng báo cáo.**

1. Mối quan hệ kinh doanh là mối quan hệ được thiết lập giữa đối tượng báo cáo và khách hàng để thực hiện các giao dịch tài chính hoặc cung cấp các dịch vụ liên quan đến các giao dịch tài chính.

2. Mục đích mối quan hệ kinh doanh là lý do khách hàng thiết lập mối quan hệ kinh doanh với đối tượng báo cáo.

3. Bản chất mối quan hệ kinh doanh là mục tiêu hoặc kế hoạch thực hiện mối quan hệ kinh doanh của khách hàng.

**Điều 7. Giao dịch với giá trị lớn bất thường hoặc phức tạp**

Giao dịch có giá trị lớn bất thường hoặc phức tạp theo quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều 20 Luật Phòng, chống rửa tiền là các giao dịch sau:

1. Giao dịch có giá trị lớn bất thường là giao dịch rõ ràng không tương xứng với thu nhập hoặc không phù hợp với mức giá trị giao dịch thường xuyên của khách hàng với đối tượng báo cáo;

2. Giao dịch phức tạp là giao dịch được thực hiện thông qua phương thức không phù hợp với bản chất của giao dịch như: Giao dịch được thực hiện thông qua nhiều bên trung gian, nhiều tài khoản không cần thiết; giao dịch được thực hiện giữa nhiều tài khoản khác nhau của cùng một chủ tài khoản tại các khu vực địa lý khác nhau; bất kỳ giao dịch nào do đối tượng báo cáo nhận định không bình thường và cần có sự giám sát chặt chẽ.

**Điều 8. Trách nhiệm báo cáo, cung cấp hồ sơ, thông tin**

1. Hồ sơ, tài liệu lưu trữ và thông tin liên quan chỉ được cung cấp trực tiếp cho các cơ quan nhà nước có thẩm quyền sau:

a) Cơ quan công an hoặc Viện kiểm sát nhân dân cấp quận, huyện trở lên nếu giao dịch liên quan tới tội phạm được báo cáo theo Khoản 2 Điều 26 Luật phòng, chống rửa tiền;

b) Cơ quan điều tra hoặc Viện kiểm sát nhân dân các cấp nếu giao dịch liên quan tới vụ việc và khách hàng đã có quyết định khởi tố vụ án và quyết định khởi tố bị can. Thủ trưởng hoặc Phó thủ trưởng các cơ quan này là người ký yêu cầu cung cấp hồ sơ, tài liệu và thông tin liên quan;

c) Cơ quan an ninh điều tra nếu giao dịch liên quan tới các đối tượng bị nghi ngờ phạm các tội xâm phạm an ninh quốc gia. Thủ trưởng hoặc Phó thủ trưởng cơ quan này là người ký yêu cầu cung cấp hồ sơ, tài liệu và thông tin liên quan;

d) Cơ quan thuế, cơ quan có chức năng điều tra ban đầu nếu giao dịch liên quan tới cá nhân, tổ chức bị nghi ngờ vi phạm pháp luật về thuế, pháp luật về hải quan hoặc pháp luật khác liên quan. Yêu cầu cung cấp thông tin phải được Thủ trưởng, Phó Thủ trưởng cơ quan Thuế, cơ quan có chức năng điều tra ban đầu ký;

đ) Cơ quan thanh tra nhà nước, Cơ quan được giao thực hiện chức năng thanh tra chuyên ngành khi thực hiện nhiệm vụ theo các quyết định thanh tra, kiểm tra do cấp có thẩm quyền ban hành.

2. Đối tượng báo cáo phải báo cáo, cung cấp hồ sơ, thông tin kịp thời cho Ngân hàng Nhà nước Việt Nam hoặc cơ quan có thẩm quyền khác khi được yêu cầu hoặc khi đối tượng báo cáo nhận thấy cần thiết phải báo cáo, cung cấp hồ sơ, thông tin để phục vụ cho công tác phòng chống rửa tiền, tài trợ khủng bố và tài trợ phổ biễn vũ khí hủy diệt theo quy định của pháp luật.

**Mục 2**

**THU THẬP, XỬ LÝ VÀ CHUYỂN GIAO THÔNG TIN VỀ**

**PHÒNG, CHỐNG RỬA TIỀN**

**Điều 9. Thu thập, xử lý và phân tích thông tin phòng, chống rửa tiền**

1. Cục Phòng, chống rửa tiền thuộc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam có trách nhiệm ban hành quy trình xử lý, phân tích thông tin, báo cáo nhận được. Quy trình xử lý và phân tích thông tin phải bao gồm:

a) Phân tích và xử lý thông tin dựa trên nguồn thông tin sẵn có và thu thập bổ sung để xác định các xu hướng và mô hình rửa tiền. Các thông tin phân tích này sử dụng để xác định các nguy cơ của hoạt động rửa tiền và các biện pháp phòng, chống rửa tiền được áp dụng về rửa tiền trong từng ngành, lĩnh vực và ở phạm vi toàn quốc nhằm xây dựng các chiến lược và mục tiêu phòng, chống rửa tiền trong từng giai đoạn nhất định.

b) Phân tích và xử lý thông tin dựa trên nguồn thông tin sẵn có và thu thập bổ sung để lần theo dấu giao dịch hoặc hoạt động cụ thể có nghi ngờ liên quan đến rửa tiền hoặc hoạt động tội phạm khác nhằm xác định mối liên hệ của hoạt động hoặc giao dịch có liên quan tới rửa tiền hoặc hoạt động tội phạm khác.

2. Cục Phòng, chống rửa tiền có trách nhiệm thiết lập hệ thống công nghệ thông tin hỗ trợ cho việc phân tích, xử lý thông tin hiệu quả.

**Điều 10. Chuyển giao thông tin phòng, chống rửa tiền với cơ quan có thẩm quyền trong nước**

1. Ngân hàng Nhà nước Việt Nam chỉ định Cục phòng, chống rửa tiền thuộc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam là đơn vị đầu mối có trách nhiệm chuyển giao thông tin hoặc hồ sơ vụ việc cho cơ quan điều tra có thẩm quyền khi có cơ sở hợp lý để nghi ngờ giao dịch được nêu trong các thông tin, báo cáo liên quan đến rửa tiền hoặc rửa tiền nhằm tài trợ khủng bố.

2. Cơ sở để nghi ngờ giao dịch nêu trong thông tin, báo cáo liên quan đến rửa tiền được coi là hợp lý khi:

a) Giao dịch liên quan đến tổ chức, cá nhân nằm trong danh sách đen;

b) Giao dịch liên quan đến tổ chức, cá nhân đang là đối tượng bị điều tra, truy tố, xét xử của các cơ quan chức năng của Việt Nam và của quốc gia, vùng lãnh thổ trên thế giới;

c) Giao dịch liên quan đến tổ chức, cá nhân nằm trong danh sách cảnh báo của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và của quốc gia, vùng lãnh thổ trên thế giới;

d) Giao dịch liên quan đến người bị kết án theo quy định của pháp luật tố tụng hình sự;

đ) Giao dịch được thực hiện trong thời gian rất ngắn liên quan đến nhiều tổ chức, cá nhân ở nhiều quốc gia, vùng lãnh thổ khác nhau nhưng không có cơ sở kinh tế hoặc không đủ chứng từ giao dịch;

e) Giao dịch khác mà cơ quan phòng, chống rửa tiền thuộc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam dựa trên kinh nghiệm thực tế và kinh nghiệm quốc tế nhận thấy có thể liên quan đến các hoạt động phạm tội.

3. Cơ sở để nghi ngờ giao dịch nêu trong thông tin, báo cáo liên quan đến tài trợ cho khủng bố, tài trợ bổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt khi:

a) Thực hiện hoặc có ý định thực hiện giao dịch liên quan tới tổ chức, cá nhân theo danh sách trong các nghị quyết liên quan của Hội đồng Bảo an Liên hợp quốc về chống tài trợ khủng bố, tài trợ bổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt;

b) Thực hiện hoặc có ý định thực hiện giao dịch liên quan tới tổ chức, cá nhân theo danh sách những tổ chức, cá nhân khủng bố và tài trợ cho khủng bố, tài trợ bổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt do tổ chức quốc tế khác hoặc quốc gia khác trên thế giới lập ra và được Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cảnh báo;

c) Thực hiện hoặc có ý định thực hiện giao dịch liên quan tới tổ chức, cá nhân đã từng bị kết án về các tội khủng bố, tội tài trợ cho khủng bố tại Việt Nam;

d) Thực hiện hoặc có ý định thực hiện giao dịch liên quan tới tổ chức, cá nhân khủng bố hoặc tài trợ khủng bố, tài trợ bổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt mà đối tượng báo cáo biết được từ các nguồn thông tin khác.

 b) Giao dịch khác mà cơ quan phòng, chống rửa tiền thuộc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam dựa trên kinh nghiệm thực tế và kinh nghiệm quốc tế, nhận thấy có thể liên quan đến các hoạt động tài trợ khủng bố, tài trợ bổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt.

4. Cơ quan điều tra có thẩm quyền nêu tại Khoản 1 Điều này bao gồm:

a) Cơ quan điều tra thuộc Bộ Công an;

b) Cơ quan điều tra thuộc Bộ Quốc phòng;

c) Cơ quan điều tra thuộc Viện kiểm sát nhân dân tối cao;

d) Cơ quan có thẩm quyền điều tra ban đầu.

5. Cơ quan điều tra có thẩm quyền theo quy định tại Khoản 4 Điều này khi tiếp nhận thông tin hoặc hồ sơ vụ việc theo quy định tại Khoản 1 Điều này có trách nhiệm phân loại, giải quyết theo quy định của pháp luật tố tụng hình sự về tiếp nhận, giải quyết nguồn tin về tội phạm và lưu giữ các thông tin, báo cáo, tài liệu nhận được theo chế độ mật và phản hồi ngay khi có kết quả xử lý cho Cục phòng, chống rửa tiền thuộc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

**Điều 11. Trao đổi thông tin phòng, chống rửa tiền với cơ quan có thẩm quyền trong nước**

1. Cục Phòng, chống rửa tiền thuộc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam có trách nhiệm phối hợp, trao đổi thông tin theo quy định tại Điều 35 Luật Phòng, chống rửa tiền với cơ quan có thẩm quyền trong các trường hợp sau:

a) Theo yêu cầu của cơ quan điều tra có thẩm quyền;

b) Theo yêu cầu của Viện kiểm sát nhân dân các cấp; Viện kiểm sát quân sự các cấp;

c) Theo yêu cầu của Tòa án nhân dân các cấp; Tòa án quân sự các cấp.

2. Cơ quan có thẩm quyền theo quy định tại Khoản 1 Điều này có trách nhiệm lưu giữ các thông tin, báo cáo, tài liệu nhận được theo chế độ mật và thông báo kết quả xử lý có liên quan cho cơ quan phòng, chống rửa tiền thuộc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam theo quy định của pháp luật.

3. Ngân hàng Nhà nước Việt Nam chủ động và có trách nhiệm trao đổi với các bộ, ngành, đơn vị liên quan thông tin sau:

a) Thông tin về giao dịch, tổ chức, cá nhân nghi ngờ có hành vi vi phạm pháp luật nhằm mục đích phòng, chống rửa tiền;

b) Thông tin về những bất cập trong cơ chế, chính sách, hoạt động quản lý nhà nước nhằm mục đích phòng, chống rửa tiền.

4. Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, cơ quan có thẩm quyền theo quy định tại Điều này và bộ, ngành liên quan có thể ký kết quy chế phối hợp, trao đổi thông tin để tạo điều kiện cho việc phối hợp, trao đổi thông tin được nhanh chóng, hiệu quả.

**Mục 3**

**ÁP DỤNG CÁC BIỆN PHÁP TẠM THỜI**

**Điều 12. Quy định chi tiết về trì hoãn giao dịch**

1. Cơ sở hợp lý để nghi ngờ hoặc phát hiện các bên liên quan tới giao dịch thuộc danh sách đen bao gồm:

- Cá nhân, tổ chức có giao dịch với đối tượng báo cáo có thông tin trùng khớp toàn bộ với thông tin của tổ chức, cá nhân thuộc danh sách đen;

- Cá nhân, tổ chức có giao dịch với đối tượng báo cáo có thông tin trùng khớp một phần với thông tin của tổ chức, cá nhân thuộc danh sách đen mà đối tượng báo cáo trên cơ sở các thông tin thu thập được tin rằng cá nhân, tổ chức liên quan tới tài trợ khủng bố hoặc khủng bố.

2. Lý do để tin rằng giao dịch được yêu cầu thực hiện có liên quan đến hoạt động phạm tội, gồm:

a) Giao dịch do người bị kết án theo quy định của pháp luật tố tụng hình sự yêu cầu thực hiện và tài sản trong giao dịch đó có nguồn gốc từ tài sản thuộc quyền sở hữu hoặc kiểm soát của cá nhân đó hoặc tài sản của tổ chức mà cá nhân đó có quyền sở hữu hoặc kiểm soát trong hoặc sau thời gian thực hiện hành vi phạm tội;

b) Giao dịch liên quan đến tổ chức, cá nhân thực hiện hành vi có liên quan đến tội phạm tài trợ cho khủng bố.

3. Khi áp dụng biện pháp trì hoãn giao dịch, đối tượng báo cáo phải báo cáo ngay bằng văn bản và thông báo ngay bằng điện thoại cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền, đồng thời báo cáo bằng văn bản cho Ngân hàng Nhà nước Việt Nam để phối hợp (không báo cáo dưới dạng mẫu của báo cáo giao dịch đáng ngờ).

4. Cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định tại Điều này bao gồm:

a) Cơ quan điều tra các cấp;

b) Viện kiểm sát nhân dân các cấp, Viện kiểm sát quân sự các cấp;

c) Tòa án nhân dân các cấp, Tòa án quân sự các cấp.

5. Cơ quan nhà nước có thẩm quyền tại Khoản 3 Điều này có trách nhiệm kịp thời xử lý báo cáo về việc áp dụng biện pháp trì hoãn giao dịch theo quy định của pháp luật về phòng, chống rửa tiền và pháp luật về phòng, chống khủng bố.

**Chương III**

**ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

**Điều 13. Hiệu lực thi hành**

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày …. tháng … năm 2023.

2. Nghị định này thay thế Nghị định số 116/2013/NĐ-CP ngày 04 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ về phòng, chống rửa tiền; Nghi định số 87/2019/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số116/2013/NĐ-CP ngày 04 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ về phòng, chống rửa tiền.

**Điều 14. Trách nhiệm thi hành**

Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***- Ban Bí thư Trung ương Đảng;- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc CP;- HĐND, UBND các tỉnh, TP trực thuộc TW;- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;- Văn phòng Tổng Bí thư;- Văn phòng Chủ tịch nước;- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;- Văn phòng Quốc hội;- Tòa án nhân dân tối cao;- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;- Kiểm toán Nhà nước;- Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia;- Ngân hàng Chính sách xã hội;- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;- UBTW Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;- VPCP: BTCN; các PCN, Trợ lý TTCP, Cổng TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;- Lưu: Văn thư, KTTH (3b). | **TM. CHÍNH PHỦTHỦ TƯỚNG** |